TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:148/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Hoa và bà Nguyễn Thị Bạn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2018/HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị D (Có mặt).

Địa chỉ: 73/6 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Anh Đỗ Minh T(Vắng mặt).

Địa chỉ: 233/17/9 X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Tôi và anh Đỗ Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột vào ngày 17/4/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, luôn chửi bới đánh đập tôi nên tôi phải đưa con ra ngoài ở trọ. Tôi cũng đã tha thứ cho anh T cơ hội sửa sai nhưng anh T vốn là con trai một được nuông chiều từ nhỏ nên không chịu nghe lời bố mẹ, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, anh T còn đòi giết cả gia đình tôi. Ngoài ra anh T đã nghiện hút ma túy đá khoảng 05 năm nay, không tự cai nghiện được nên việc đe doạ, đánh đập vợ là thường xuyên. Nay tôi xác nhận tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q – sinh ngày 24/11/2014 và Đỗ Hoàng Ngọc D– Sinh ngày: 30/11/2016. Từ khi khi ly thân, cháu Duyên ở với tôi còn cháu Quyên vẫn ở với anh T. Tuy nhiên đến ngày hòa giải anh T đã đưa con tôi là cháu D về nhà và không cho tôi gặp hai con. Nay tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng Ngọc D Sinh ngày: 30/11/2016 đến đủ 18 tuổi và đồng ý giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Do tôi cũng đi làm thuê thu nhập khoảng 4.000.000đồng/tháng nên phải thuê nhà nên không thể chu cấp hết cho hai cháu do vậy tôi và anh T sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định tôi và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Bị đơn anh Đỗ Minh T trình bày: Tôi và cô Lê Thị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột vào ngày 17/4/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mà mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, tôi cũng có nóng giận tát vợ vài cái nên vợ tôi đã dẫn cháu Đỗ Hoàng Ngọc D ra khỏi nhà sinh sống từ tháng 02/2018 cho đến nay. Trong quá trình ly thân, chúng tôi cũng đã hoà giải nhưng không thành. Nay tôi xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên tôi không đồng ý, nếu cô D nhất quyết đòi ly hôn thì tôi đồng ý nhưng với điều kiện phải giao 02 con cho tôi nuôi dưỡng.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q – sinh ngày 24/11/2014 và Đỗ Hoàng Ngọc D – Sinh ngày: 30/11/2016. Từ khi khi ly thân, cháu D ở với cô D còn cháu Q vẫn ở với tôi. Tôi có nguyện vọng được nuôi 02 cháu đến tuổi thành niên và không yêu cầu cô D cấp dưỡng nuôi con

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi kết hôn, chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T sinh sống tại Địa chỉ: 233/17/9 X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Qua xác minh tại địa phương cung cấp: anh Đỗ Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: 233/17/9 X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T có lên Tòa án làm việc ghi lời khai, hòa giải sau đó đưa con về và không lên Tòa án làm việc không có lý do, không có ý kiến trình bày tiếp theo về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị D;

không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 09 tháng 11 năm 2018. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt là thuộc T hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[2] Hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng đến nhau nên sinh nghi ngờ dẫn đến cãi vã, hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, tiếp tục mâu thuẫn, từ lâu cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến nhau. Như vậy, giữa chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T có 02 con chung là cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 24/11/2014 và Đỗ Hoàng Ngọc D, sinh ngày: 30/11/2016.

Xét nguyện vọng của chị Dịu là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đỗ Hoàng Ngọc D – Sinh ngày: 30/11/2016 cháu đến khi trưởng thành vì cháu còn nhỏ, từ khi ly thân tháng 02/2018 chị đã nuôi dưỡng cháu và chị D đồng ý giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q – sinh ngày 24/11/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành niên vì điều kiện thời gian và thu nhập có hạn không đủ điều kiện một lúc nuôi 02 cháu. Xét đây là nguyện vọng chính đáng của chị D, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nên cần giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc D – Sinh ngày: 30/11/2016 cho chịu Lê Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên và giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q – sinh ngày 24/11/2014 cho anh Đỗ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

[5]. Về án phí Chị Lê Thị D là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc D – Sinh ngày: 30/11/2016 cho chịu Lê Thị D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên(18 tuổi) và giao cháu Đỗ Hoàng Ngọc Q – sinh ngày 24/11/2014 cho anh Đỗ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. đến tuổi trưởng thành(18 tuổi).

Chị Lê Thị D và anh Đỗ Minh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu anh Đỗ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập tới.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập tới.

4.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Dịu đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004029 ngày 07/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Anh Đỗ Minh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong T hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dânsự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND phường Thàng công, TP.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ